TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2023/DS-ST
Ngày: 26-6-2023
V*/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tưởng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2023/TLST- DS ngày 07/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Kim T**, sinh năm 1985; Trú tại: Số A, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn:

+ Ông **Đặng Trúc T1**, sinh năm 1984; (Vắng mặt)
+ Bà **Mai Thị Kim T2**, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/9/2022, bà Mai Thị Kim T2 và ông Đặng Trúc T1 mượn bà T2 số tiền 350.000.000 đồng và hẹn đến ngày 28/10/2022 sẽ trả. Việc mượn tiền đều có làm hợp đồng mượn tiền, có chữ ký của Mai Thị Kim T2 và Đặng Trúc T1. Bà T2 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng Mai Thị Kim T2 và Đặng Trúc T1 không trả nợ cho bà T2.

Nay bà T2 khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà Mai Thị Kim T2 và ông Đặng Trúc T1 liên đới trả số tiền vay vốn là 350.000.000 đồng; yêu cầu mức lãi suất

0,83%/tháng tính từ ngày 28/9/2022 đến 28/3/2023 là 17.430.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi là 0,83%/tháng trên số tiền 350.000.000 đồng, tính từ ngày Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 vắng mặt không có lời trình bày .

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 liên đới trả cho cho bà Phan Thị Kim T tổng số tiền vay vốn là 350.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kim T buộc bà Mai Thị Kim T2 và ông Đặng Trúc T1 liên đới trả cho bà Phan Thị Kim T số tiền lãi tính từ ngày 28/9/2022 đến 28/3/2023 là 17.430.000 đồng và tiếp tục tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền 350.000.000 đồng từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Kim T yêu cầu ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 liên đới trả cho cho bà Phan Thị Kim T tổng số tiền vay vốn là 350.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 28/9/2022 đến 28/3/2023 là 17.430.000

đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi là 0,83%/tháng trên số tiền 350.000.000 đồng, thời gian tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết xong vụ án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Phan Thị Kim T cung cấp Hợp đồng cho mượn tiền ngày 28/9/2022, có chữ ký của Đặng Trúc T1 và Mai Thị Kim T2. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện (photo) của nguyên đơn cho bị đơn nhưng bị đơn không đưa ra ý kiến phản hồi. Ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy ông T1, bà T2 mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ biên bản xác minh ngày 15/3/2023 của TAND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre thể hiện ông T1 và bà T2 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 21/7/2006. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T, buộc ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 liên đới trả cho cho bà Phan Thị Kim T tổng số tiền vay vốn là 350.000.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tiền lãi tính từ ngày 28/9/2022 đến 28/3/2023, mức lãi suất là 0,83% số tiền lãi là 17.430.000 đồng; từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án (ngày 07/4/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2023) là 02 tháng 19 ngày, do đó tiền lãi ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 liên đới chịu là 17.430.000 đồng + (350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng) + (350.000.000 đồng x 0,028%/ngày x 19 ngày) = 25.102.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 liên đới trả cho bà Phan Thị Kim T là 375.102.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 liên đới phải chịu theo quy định.
- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị Kim T .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T đối với ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Phan Thị Kim T số tiền nợ gốc là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 25.102.000 (Hai mươi lăm triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Phan Thị Kim T là 375.102.000 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Đặng Trúc T1 và bà Mai Thị Kim T2 phải liên đới chịu là 18.755.000 (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí là 9.186.000 (Chín triệu một trăm tám mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001999 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. An Điền;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền